CÔNG TY CP DV VỆ SINH CÔNG NGHIỆP ĐÀ NẴNG SONGANHHYG

BẢNG KIỂM THI CÔNG SƠN LĂN, TỰ SAN PHẲNG, VỮA CHỊU TẢI VÀ CHIỀU DÀY MÀNG ƯỚT WFT

Đồng bộ **EFS-07..11**, **EFS-14** · Lăn 3 lớp · Gốc nước / Vảy màu · Tự san 1–3 mm · Vữa thạch anh 4–8 mm · Chống trượt · Bo góc R 30–50 mm · Đo lược WFT

Mã biểu mẫu: BM-EFS-05
Phiên bản: v1.0 (19/11/2026)
Phụ trách: Chỉ huy Thi công sàn
Lưu hồ sơ: 36 tháng (Kỹ thuật)

Công trình / Phân khu	..... (DT: ..... m^2)	**Hệ sơn áp dụng**	☐ Lăn 3 lớp ☐ Nước/Vảy ☐ Tự san ☐ Vữa/Trượt
Ngày & Đội trưởng	Ngày ...../...../202... | ĐT:	**Nền & Điểm sương**	$T_{sàn}$: .... °C (10–35 °C) · **ΔT = ... °C** (≥ +3 °C)

1. KIỂM SOÁT KỸ THUẬT THI CÔNG THEO TỪNG HỆ SƠN PHỦ VÀ CHI TIẾT LEN BO GÓC, KHE CO GIÃN

(Tích mục áp dụng theo workflow)

Hệ / Công đoạn thi công	Yêu cầu kỹ thuật bắt buộc tại hiện trường (EFS-06..11, EFS-14, EFS-16)	Số đo / Vật tư	Đạt
1. Sơn lót thẩm thấu (EFS-06)	Lăn đều khóa mao quản chống thoát khí/bở bụi (lăn 2 lượt nơi nền hút mạnh), không đọng vũng bóng; bả trám kín lỗ kim trước lớp giữa.	ĐM: ..... kg/m^2 ☐ Kín lỗ kim	☐ Đạt ☐ Dặm lót
2. Sơn lăn 3 lớp / Gốc nước & Vảy (EFS-07, EFS-08)	**Lăn 3 lớp** (1 lót + 2 phủ, tổng 0,25–0,5 mm): dùng rulo ngắn chịu dung môi, lăn chéo 2 chiều, cắt mép gọn. **Gốc nước:** bật quạt lưu thông thoát ẩm; **Vảy màu:** rắc đều khi ướt, gạt nhẹ vảy dư rồi phủ khóa trong suốt.	Số lớp: ..... Rulo: ☐ Mới/Sạch	☐ Đều màu ☐ N/A
3. Tự san phẳng 1–3 mm (EFS-09 · WF-E03)	Đổ dải đều theo định mức, kéo **bàn cào răng cưa đúng cỡ mm**, đi giày đinh sạch lăn **rulo gai phá bọt trong 10–15 phút** (đan chéo, cấm lăn lại vùng đã se).	Cỡ răng: .... mm Rulo gai: .... phút	☐ Phẳng bóng ☐ N/A
4. Vữa thạch anh 4–8 mm & Chống trượt (EFS-10..11)	**Vữa 3K chịu tải 4–8 mm:** trộn đều không vón, cán thước định vị, xoa đĩa/bay chặt trước se mặt. **Chống trượt ram dốc/xưởng ướt:** rắc bão hòa cát thạch anh cỡ hạt chuẩn rồi phủ khóa đạt DCOF ≥ 0,51.	Dày vữa: .... mm Cỡ cát: ..... mm	☐ Chắc mịn ☐ N/A
5. Len bo góc R 30–50 mm, khe & 5S (EFS-14, EFS-16)	Đắp len chân tường **bo tròn R 30–50 mm** khóa vào rãnh neo 2×e; cắt tiếp nối thẳng qua **khe co giãn động** (không phủ đè cứng qua khe); kẻ vạch 5S sắc nét.	Bo góc: R .... mm Khe: ☐ Cắt tách	☐ Kín đẹp ☐ Sửa biên

2. NHẬT KÝ ĐO KIỂM CHIỀU DÀY MÀNG ƯỚT WFT BẰNG LƯỢC RĂNG CƯA VÀ KIỂM SOÁT ĐỊNH MỨC THỰC TẾ

(Đo ngay sau cào/lăn khi sơn còn ướt)

Lô / Trục sàn	Lớp sơn & Định mức chuẩn	Vật tư xuất (kg)	Thực tế (kg/m^2)	Đo lược WFT 3 điểm (µm / mm)	Kết luận WFT
Lô 1:		..... kg / ..... m^2	..... kg/m^2	Đ1: ..... | Đ2: ..... | Đ3:	☐ Đạt ☐ Bù
Lô 2:		..... kg / ..... m^2	..... kg/m^2	Đ1: ..... | Đ2: ..... | Đ3:	☐ Đạt ☐ Bù
Lô 3:		..... kg / ..... m^2	..... kg/m^2	Đ1: ..... | Đ2: ..... | Đ3:	☐ Đạt ☐ Bù
Lô 4:		..... kg / ..... m^2	..... kg/m^2	Đ1: ..... | Đ2: ..... | Đ3:	☐ Đạt ☐ Bù

KIỂM SOÁT NGOẠI QUAN & THIẾT BỊ TRONG CA: (1) Đặt **lược đo màng ướt WFT** vuông góc ngay sau khi kéo bàn cào/rulo để điều chỉnh kịp thời trước khi vật tư hết pot life; (2) Rọi đèn thấp kiểm soát bọt khí và sợi lông rulo, thay rulo gai/rulo lăn định kỳ khi nhựa bắt đầu đặc; (3) Cách ly tuyệt đối khu vực mới đổ khỏi bụi bay, côn trùng, nước nhỏ giọt mái xưởng và người qua lại.

CHỈ HUY THI CÔNG SÀN EPOXY SONGANHHYG	KTV KIỂM ĐỊNH WFT / TVGS BÊN A
Xác nhận thi công đúng lớp lót, hệ sơn, bàn cào răng cưa, rulo gai 10–15p và bo góc R 30–50 mm. Họ tên & chữ ký:	☐ Xác nhận đo lược WFT và định mức thực tế đạt thiết kế · ☐ Yêu cầu bù dày lô thiếu Họ tên, chức vụ & chữ ký: